

Bản án số: 02/2026/HC-PT

Ngày 27-3-2026

V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Nâu.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Nam;
2. Bà Ngô Thị Thanh Hào.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nhữ Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2025/TLPT-HC ngày 22/10/2025, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh bị người khởi kiện ông Nguyễn Văn T kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐ-PT ngày 25/12/2025, giữa:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958; CCCD số 024058005385, do Bộ C cấp ngày 25/6/2021; địa chỉ tổ dân phố B, phường T, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Văn phòng luật sư Đặng T1 - V, Đoàn luật sư tỉnh B do ông Đặng Văn T1 đại diện, vắng mặt.

Người bị kiện: Chủ tịch UBND xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng Chủ tịch UBND phường T, tỉnh Bắc Ninh: Ông Đỗ Trần T2.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND phường T: Ông Lương Ngọc Đ – Phó Chủ tịch, vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị Q, sinh năm 1961; anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; chị Đỗ Thị M, sinh năm 1977; cùng địa chỉ tổ dân phố B, phường T, tỉnh Bắc Ninh; bà Q và anh H có mặt, chị M vắng mặt.

2. UBND xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (Cơ quan, tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng UBND phường T, tỉnh Bắc Ninh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đỗ T3 – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Ngọc Đ – Phó Chủ tịch, vắng mặt.

3. Ông Dương Văn N - Nguyên Chủ tịch UBND xã T nay là Phó Chánh văn phòng UBND phường T, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2015/HC-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, nội dung vụ án như sau:

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn T trình bày: Năm 2017, sau khi có nghị quyết về việc dồn điền đổi thửa của Ban lãnh đạo thôn B, xã T đã họp dân và thống nhất việc dồn điền đổi thửa đồng thời thành lập Ban dồn điền đổi thửa. Sau khi thành lập Ban dồn điền đổi thửa, Ban lãnh đạo thôn B đã xây dựng quy chế, phương án dồn điền đổi thửa và đã được UBND xã T phê duyệt. Hộ gia đình ông cũng như các hộ dân khác trong thôn đã được chia lại ruộng. Sau đó, UBND xã đã có quyết định giao ruộng cho các hộ theo quy định của quy chế dồn điền đổi thửa được UBND xã phê duyệt.

Sau khi giao ruộng xong, ông Giáp Văn V (thành viên Ban giám sát diện tích, hạng đất nông nghiệp) có đơn kiến nghị về việc giao ruộng cho gia đình ông. Sau khi nhận đơn của ông V, UBND xã T đã xác minh và trả lời bằng Công văn số: 56/UBND-TP ngày 13/3/2020, công văn xác định hộ gia đình ông có 4 định xuất ruộng gồm: Cụ G1 (1 định xuất), ông T (1 định xuất), bà Q (1 định xuất), anh Đ1 (1/2 định xuất) và anh G (1/2 định xuất) và 6 khẩu rau xanh gồm cụ G1, ông, bà Q, bà T4 (em ruột ông), anh Đ1 và anh G (các con ông T). Về định xuất ruộng của cụ G1, trong công văn có nêu cụ G1 được ghép nhóm cùng hộ ông T là phù hợp với hướng dẫn số 175/HD- TNMT ngày 21/01/2014. Hộ ông H (em ruột ông) thực hiện phương án riêng có 02 định xuất ruộng và 02 khẩu rau xanh là do thỏa thuận thống nhất nhóm hộ của gia đình ông, ông H và cụ G1.

Không đồng ý với quyết định của UBND xã, ông tiếp tục khiếu nại. Sau đó UBND xã ban hành Quyết định số: 234/QĐ- UBND ngày 03/8/2020, trong phần kết luận xác định không chuyển xuất ruộng của cụ G1 và rau xanh của bà T4 về hộ của ông. Khi dồn điền đổi thửa giữ nguyên xuất ruộng của cụ G1 ở hộ ông H không chuyển xuất ruộng của cụ G1 về hộ của ông.

Không đồng ý với quyết định này nên ông đã làm đơn khiếu nại đến UBND xã T và Chủ tịch UBND xã ban hành Quyết định số: 297/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 đã thu hồi quyết định số: 234/QĐ-UBND ngày 03/08/2020. Ngày 20/7/2021, Chủ tịch UBND xã T ban hành Công văn số 176/UBND-ĐC (*sau đây viết tắt là Công văn số 176*) nội dung: “*Hộ bà Nguyễn Thị G1 không nằm trong diện tích hộ ông T. Yêu cầu ông T trả lại mặt bằng 500m² A1 tại sùr đồng Ao Đồng cho gia đình ông Đỗ Văn P*”.

Không đồng ý với Công văn số 176 nên ông đã có đơn khiếu nại và UBND xã ban hành Công văn số 255/UBND-ĐCXD ngày 16/9/2021 trả lời đơn khiếu nại

(sau đây viết tắt Công văn số 255) trong đó nêu rõ khi chia ruộng năm 1992 ông T là chủ hộ một hộ, bà G1 chủ hộ một hộ cho nên khi dồn điền đổi thửa không chuyển tên bà G1 sang tên hộ của ông.

Không đồng ý với Công văn số 255 nên ông tiếp tục khiếu nại đến UBND xã T. Ngày 04/12/2021, UBND xã T tiếp tục ban hành Quyết định số 565/QĐ-UBND. Không đồng ý với Quyết định số 565/QĐ-UBND nên ông đã khiếu nại ở nhiều nơi trong đó có đơn tố cáo ông Dương Văn N - Chủ tịch UBND xã T gửi Chủ tịch UBND huyện V. Sau khi xác minh, Chủ tịch UBND huyện V có văn bản số 92/TB- UBND ngày 18/03/2023 gửi cho ông mang tính chất bao che cho ông Dương Văn N.

Không đồng ý với thông báo số 92/TB-UBND trên nên ông tiếp tục khiếu nại gửi đến UBND tỉnh B. Ngày 31/01/2024 Chủ tịch UBND tỉnh B có Công văn trả lời số 609/UBND-TCD yêu cầu Chủ tịch UBND huyện V chỉ đạo UBND xã T kiểm tra rà soát việc dồn điền đổi thửa để xác định rõ quyền và lợi ích của bà G1.

Ngày 05/7/2024, Chủ tịch UBND xã T có Công văn số 151/CV-UBND trả lời ông, có nội dung: “*Xuất ruộng của bà G1 và xuất rau xanh của bà T4 vẫn giao cho ông H là đúng theo quy định*”. Không đồng ý với Công văn số 151/CV-UBND ông đã khiếu nại và ngày 30/10/2024, Chủ tịch UBND xã T có công văn trả lời khiếu nại số 249/UBND-VP ngày 30/10/2024, giữ nguyên nội dung thu hồi xuất ruộng của cụ G1 như Công văn số 176.

Nay ông xác định việc chia xuất ruộng của cụ G1 và xuất ruộng rau xanh của bà T4 về hộ gia đình ông trong quá trình dồn điền đổi thửa có sự thống nhất trong gia đình anh em. Ban dồn điền đổi thửa chia về hộ gia đình ông là đúng quy chế, anh em ông không ai thắc mắc không có khiếu nại, mặt khác xuất ruộng của mẹ ông và em ông chỉ giao về hộ nhà ông không giao cho hộ nào khác. Nay Chủ tịch UBND xã T ban hành Công văn số 176 thu 500m² ruộng của gia đình ông để giao cho hộ ông Đỗ Văn P là trái pháp luật.

Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án: Hủy Công văn số 176 về việc thu hồi tiêu chuẩn ruộng của cụ G1, xuất rau xanh của bà T4 đã giao cho hộ gia đình ông để giao cho hộ gia đình khác vì cho rằng tiêu chuẩn ruộng của cụ G1, xuất rau xanh của bà T4 không nằm trong phần được chia sau khi dồn điền đổi thửa của gia đình ông.

Ông cam đoan không đồng thời khiếu nại đến UBND thị xã V cũng như UBND tỉnh B, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Người bị kiện - Chủ tịch UBND xã T nay do Chủ tịch UBND phường Tự Lạn kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng do ông Lương Ngọc Đ đại diện theo ủy quyền trình bày: năm 2017 - 2018, thôn B, xã T cũ (nay là phường T) thực hiện công tác dồn điền đổi thửa theo kế hoạch của UBND xã T. Đến cuối năm 2019 cơ bản giao ruộng xong cho các hộ gia đình, cá nhân. Để đảm bảo quyền của người sử dụng đất và công tác quản lý Nhà nước trên địa bàn, UBND xã T chỉ đạo các thôn thực hiện hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân kê khai lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện có một số ý kiến trong đó có ông Giáp Văn V cho rằng: một số thành

viên trong Tiểu Ban đồn điền đổi thửa thừa diện tích ruộng so với định xuất ruộng năm 1992 - 1993 của gia đình ông T được hưởng.

Khi tiếp nhận phản ánh, UBND xã T đã chỉ đạo thôn B thành lập Tổ rà soát (gồm Đỗ Văn L, ông Đỗ Trọng S, ông Giáp Văn V, ông Nguyễn Quang H1, ông Đỗ Đức T5). Đồng thời Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định số 208/QĐ – UBND xã về thụ lý giải quyết đơn và thành lập tổ xác minh giải quyết đơn đề nghị của ông V. Sau khi có kết quả kiểm tra, xác minh, ngày 07/02/2020, Chủ tịch UBND xã T ban hành Công văn số 24/UBND-TP về việc trả lời đơn đề nghị của ông V. Nhận được trả lời, ông V không nhất trí và khiếu nại.

Chủ tịch UBND xã T đã ban hành Quyết định số 298/UBND ngày 01/9/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với đơn đề nghị của ông V xác định: Đối chiếu với quy chế giao ruộng của thôn, xác định diện tích ruộng của ông T từ sát kênh mương như ở trên kéo xuống đồng 50 m là A1; cạnh bờ vùng là A2; sâu xuống cạnh diện tích ao (ruộng đang cấy Rau Muống là hạng A2); còn lại diện tích ao là hạng C1. Tuy nhiên khi giao ruộng hạng A2 ông T tự hạ xuống B1 để tăng thêm diện tích, bên cạnh đó Tiểu ban đồn điền đổi thửa đã để lại một thửa đất công ích 5% với diện tích là 552m² cạnh khu vực ông T tự mức ao ở trên. Từ đó dẫn tới hộ ông T thừa diện tích phải trả lại diện tích là 920m² A1 (các thành phần tham gia làm việc trong tổ rà soát đã ký và xác nhận vào biên bản trong đó có ông Nguyễn Văn T). Ông T đồng ý rút diện tích ruộng thừa để giao cho hộ khác, thôn đã giao cho hộ ông Đỗ Văn P là 500m² và canh tác được một vụ chiêm xuân năm 2021 thì ông T lại có ý kiến không cho ông P canh tác.

Để thực hiện giao ruộng theo đề nghị của ông P, Chủ tịch UBND xã T (ông Nguyễn Văn N1) đã ban Công văn số 176 về việc yêu cầu ông T trả ruộng thừa 500m² để giao cho ông P.

Căn cứ vào thực tế diện tích Tiểu ban đồn điền đổi thửa thôn B đã bàn giao trên thực địa cho gia đình ông T, cùng với sự công nhận và đồng ý của gia đình ông T (ông T đã ký biên bản). Như vậy, việc Chủ tịch UBND xã T ban hành Công văn số 176 có nội dung về việc yêu cầu ông T trả 500m² ruộng để giao cho ông P chưa đủ căn cứ. Thẩm quyền ban hành Công văn số 176 của Chủ tịch UBND xã T chưa đúng.

Chưa có đủ căn cứ để ban hành Công văn số 176 vì mới chỉ căn cứ vào Biên bản rà soát lại ruộng ngày 05/11/2020 địa điểm Nhà văn hóa thôn B để đối chiếu lại diện tích ruộng giao đến các hộ dân thôn B thực hiện trong quá trình đồn điền đổi thửa; thống nhất cách tính giao ruộng theo quy chế và phương án đồn điền đổi thửa của thôn để xác minh thừa, thiếu, lý do thừa, thiếu và kế hoạch giao bù ruộng cho nhân dân; đồng thời căn cứ vào Biên bản giao ruộng của thôn B cho cụ G1, ông T đã nhận thay đồng thời ông T đã đồng ý cho thôn rút ruộng ra giao cho ông P, ông P canh tác được một vụ chiêm X sau đó ông T ra tiếp tục canh tác.

Vì vậy, sau khi đối chiếu với quy định về thẩm quyền ban hành văn bản và thẩm quyền thu hồi đất nông nghiệp tại thời điểm ban hành Thông báo số 176 của Chủ tịch UBND xã T cũ nay là Chủ tịch UBND phường T, tỉnh Bắc Ninh đã

ban hành Quyết định số: 642/QĐ-UBND ngày 21/8/2025 về việc Huỷ bỏ Công văn số 176 vì nội dung Công văn số 176 xem xét giải quyết thu hồi đất và giao đất là chưa đúng thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai năm 2013 (tại thời điểm ban hành Công văn số 176). Tiếp tục giải quyết nội dung vụ việc của ông T theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường T, tỉnh Bắc Ninh do ông Lương Ngọc Đ đại diện theo uỷ quyền đồng ý với nội dung trình bày của người bị kiện không bổ sung nội dung nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn N trình bày:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Giáp Văn V, ông Nguyễn Văn T, UBND xã T đã tiến hành làm việc, xác minh thấy rằng viện ban rà soát, diện tích, hạng ruộng để thực hiện dồn điền đổi thửa đối với hộ ông T về việc giao phần định xuất ruộng của Cụ G1 (Mẹ ông T) diện tích ruộng rau xanh của bà T4 (em ruột ông T) là không đúng, do vậy chủ tịch UBND xã T đã ban hành Công Văn số 176 có nội dung thu hồi phần ruộng của cụ G1 bà bà T4 để giao cho hộ ông P là đúng. Tuy nhiên về Thẩm quyền ban hành Công văn 176 của Chủ tịch UBND xã T chưa đúng và chưa có đủ căn cứ để ban hành Công văn số: 176 ngày 20/7/2021 (mới chỉ căn cứ vào Biên bản già soát lại ruộng 05/11/2020 địa điểm Nhà văn hóa thôn B để đối chiếu lại diện tích ruộng giao đến các hộ dân thôn Bói thực hiện trong quá trình DĐĐT; thống nhất cách tính giao ruộng theo quy chế và phương án DĐĐT của thôn để xác minh thừa, thiếu, lý do thừa, thiếu và kế hoạch giao bù ruộng cho nhân dân; đồng thời căn cứ vào Biên bản giao ruộng của thôn B cho bà G1, ông T đã nhận thay đồng thời ông T đã đồng chí cho thôn rút ruộng ra giao cho ông P, ông P canh tác được một vụ chiêm X sau đó ông T ra tiếp tục canh tác).

Nay đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Q trình bày: Bà đồng ý với lời trình bày của ông Nguyễn Văn T không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H trình bày: Trước khi thực hiện việc chia ruộng lại anh em ông và cả gia đình thống nhất xuất ruộng của mẹ ông là Nguyễn Thị G1 chuyển về hộ ông Nguyễn Văn T là anh cả trong gia đình. Cả gia đình thống nhất và đề nghị Ban dồn điền đổi thửa chia xuất ruộng của cụ G1 về hộ ông T. Việc ban dồn điền đổi thửa chia như thế nào ông không biết, sau khi xảy ra đánh nhau giữa hộ ông P với hộ ông T ông mới biết là UBND xã T thu hồi xuất ruộng của cụ G1 giao cho hộ ông P. Ông không thắc mắc về việc giao xuất ruộng của mẹ ông cho hộ ông T. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị M1 trình bày: Đồng ý với quan điểm của anh Nguyễn Văn H.

Với nội dung trên, Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2015/HC-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ Điều 131 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 178 của Luật Đất đai năm 2024.

Căn cứ Điều 17, 18, Điều 21 Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011.

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 02/6/2014 của Chính phủ.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu huỷ Công văn số 176/UBND-ĐC ngày 20/7/2021 của Chủ tịch UBND xã T (nay là của Chủ tịch UBND phường T, tỉnh Bắc Ninh).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2025, người khởi kiện ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, vì lý do bản án giải quyết không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữa nguyên nội dung kháng cáo và người khởi kiện không cung cấp, xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới.

Tham gia phiên tòa phúc thẩm, đại diện VKSND tỉnh Bắc Ninh sau khi phân tích nội dung vụ án, các tình tiết, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: Bác toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T đã thực hiện và nộp theo đúng các quy định tại Điều 205 và Điều 206 Luật tố tụng hành chính nên HĐXX chấp nhận để xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tòa án đã ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, các văn bản tố tụng để mở phiên tòa và giao, tổng đạt cho các đương sự theo quy định. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 225 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét nội dung yêu cầu hủy Công văn số 176, HĐXX phúc thẩm nhận thấy:

- Về thẩm quyền ban hành quyết định: Căn cứ Điều 66, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013, việc Chủ tịch UBND phường T ban hành Công văn số 176 yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả lại mặt bằng diện tích 500,0m² A1 tại sù đồng Ao Đồng cho gia đình ông Đỗ Văn P canh tác trở lại là không đúng thẩm quyền.

Vì vậy, ngày 21/8/2025, Chủ tịch UBND phường T đã ban hành Quyết định số 642/QĐ-UBND về việc Hủy bỏ Công văn số 176, với lý do công văn được ban hành không đúng thẩm quyền là có căn cứ, đảm bảo theo quy định tại **khoản 4 Điều 57 Luật tổ tụng hành chính**.

[4]. Bản án sơ thẩm xác định: Công văn số 176 là đối tượng khởi kiện đã được người bị kiện ban hành quyết định hủy bỏ, do vậy, Công văn số 176 không còn tồn tại trên thực tế. Khi quyết định hành chính bị kiện đã được chính cơ quan, người có thẩm quyền hủy bỏ thì đối tượng khởi kiện không còn nên bản án sơ thẩm đã căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính để bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T là có căn cứ.

[5]. Đối với các quyết định hành chính có liên quan là: Công văn số 56/UBND-TP ngày 13/3/2020; Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 01/9/2020; Công văn số 255/UBND-ĐCXD ngày 16/9/2021; Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 04/12/2021; Công văn số 151/CV-UBND ngày 05/7/2024 và Văn bản số 249/UBND-VP ngày 30/10/2024 của Chủ tịch UBND phường T.

Bản án sơ thẩm không xem xét đối với các quyết định này trong khi các quyết định vẫn chưa bị thu hồi, hủy bỏ là không đảm bảo theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 191 Luật tố tụng hành chính.

Tuy nhiên, trong quá trình xét xử tại cấp phúc thẩm, ngày 19/3/2026 Chủ tịch UBND phường T đã ban hành Quyết định số 582/QĐ-UBND, Hủy bỏ các văn bản giải quyết của Chủ tịch UBND xã T (cũ) liên quan đến đơn của ông Giáp Văn V, ông Nguyễn Văn Tâm TDP B (sau đây viết tắt là Quyết định số 582). Theo đó, Quyết định số 582 hủy bỏ các quyết định hành chính, văn bản hành chính có liên quan nêu trên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[6]. Theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 191 Luật tố tụng hành chính, HĐXX xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính có liên quan là: Quyết định số 582, về việc hủy bỏ: Công văn số 56/UBND-TP ngày 13/3/2020; Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 01/9/2020; Công văn số 255/UBND-ĐCXD ngày 16/9/2021; Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 04/12/2021; Công văn số 151/CV-UBND ngày 05/7/2024 và Văn bản số 249/UBND-VP ngày 30/10/2024.

- Về thẩm quyền ban hành quyết định: Căn cứ vào **khoản 15 Điều 23 và Điều 26 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2025**, Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số 582 là đúng thẩm quyền.

- Về căn cứ ban hành quyết định: Lý do Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số 582 để hủy bỏ các quyết định hành chính, văn bản hành

chính có liên quan nêu trên là vì trình tự giải quyết ban hành các văn bản chưa đảm bảo theo quy định là có căn cứ pháp luật.

[7]. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới, vì vậy HĐXX phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên VKSND tỉnh Bắc Ninh đã đề nghị tại phiên tòa.

[8]. Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Nguyễn Văn T không được chấp nhận nhưng ông T thuộc đối tượng người cao tuổi nên ông T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 và Điều 242 Luật tố tụng hành chính. Xử:

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Miễn nộp toàn bộ tiền án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn T.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND, VKSND khu vực 2 – Bắc Ninh;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VPHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Nâu